TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/KDTM-ST
Ngày: 05/9/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai và bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa. Ông Phạm Đức Lễ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLST-KDTM ngày 13/10/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-KDTM ngày 17/8/2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty cổ phần VI

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn K – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Phúc T sinh năm: 1972 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà D, Lô A2-19, đường N nối dài, phường Hòa Hiệp N, quận L, thành phố Đà Nẵng.

- ***Bị đơn:*** Công ty Trách nhiệm hữu hạn T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Hữu V – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số 02 đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: T5, thôn 3, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Phúc T trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (gọi tắt Công ty T) và Công ty Cổ phần Vi (Công ty Vi) ký kết 02 hợp đồng mua bán xi măng, bao gồm Hợp đồng số 1480c/HĐMB ngày 01/9/2016 và Hợp đồng số 1738/HĐMB/2018 ngày 25/12/2017. Theo nội dung thỏa thuận, Công ty Vi cung cấp cho Công ty T sản phẩm xi măng mang thương hiệu Vi với chủng loại, khối lượng, chất lượng và giá cả theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía Công ty T đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền. Tính từ ngày 01/9/2016 đến ngày 31/3/2018, Công ty Vi đã bán xi măng cho Công ty T với tổng giá trị là 24.832.263.909 đồng. Đối với số tiền đã thanh toán, tính đến nay, phía Công ty T đã thanh toán cho Công ty Vi số tiền là 22.887.291.409 đồng. Số tiền Công ty T còn nợ là 1.944.972.500 đồng, cụ thể:

* Từ ngày 01/9/2016 đến ngày 31/3/2018:

Công ty Vi đã bán xi măng cho Công ty T với tổng giá trị là: 20.065.708.909 đồng và Công ty T đã thanh toán được 15.588.586.409 đồng. Số tiền mà Công ty T còn nợ là 4.477.122.500 đồng và số tiền nợ này đã được Công ty T xác nhận (Theo biên bản đối chiếu công nợ tính đến ngày 31/3/2018 có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu xác nhận Công ty).

* Từ sau ngày 31/3/2018 (thời điểm xác nhận công nợ) đến ngày 31/12/2018:

- Công ty Vi tiếp tục cung cấp xi măng theo yêu cầu của Công ty T với tổng giá trị là 4.766.555.000 đồng. Đối với khối lượng xi măng đã xuất bán, người đại diện theo pháp luật của Công ty T - ông Cao Hữu V nhiều lần lấy lý do con đau và chăm con tại bệnh viện ở thành phố Hồ Chí Minh khi nào về sẽ ký công nợ sau. Tuy nhiên căn cứ theo từng đợt mua hàng, Công ty Vi đã xuất hóa đơn GTGT cho Công ty T (có bảng kê chi tiết + các hóa đơn đã xuất kèm theo).

- Đối với số tiền đã thanh toán, tính từ sau thời điểm xác nhận công nợ ngày 31/3/2018 đến ngày 31/7/2019, Công ty T đã thanh toán cho Công ty Vi số tiền là 7.298.705.000 đồng, cụ thể:

+ Tiền mua xi măng mà Công ty T đã thanh toán thông qua hình	5.640.000.000 đồng	(theo từng đợt thanh toán được thể hiện trong

thức chuyển khoản:		sao kê Ngân hàng)
+ Tiền chiết khấu xi măng:	146.825.000 đồng	(có xuất hóa đơn GTGT theo bảng kê chi tiết kèm theo)
+ Tiền giảm giá bán	11.880.000 đồng	Thể hiện tại hóa đơn GTGT
+ Số tiền bảo lãnh từ chứng thư bảo lãnh số 0502BG1700520 ngày 29/12/2017 theo Hợp đồng số 1738/HĐMB/2018 ngày 25/12/2017	1.500.000.000 đồng	(có sao kê kèm theo + chứng thư bảo lãnh)

Về khoản tiền được thanh toán từ việc bảo lãnh, đối với hợp đồng thứ nhất- Hợp đồng 1480c/HĐMB ký ngày 01/9/2016, mặc dù nội dung hợp đồng có thể hiện Bên B (Công ty T) cung cấp cho bên A (Công ty CP Vi) bản gốc chứng thư bảo lãnh thanh toán do ngân hàng cấp với giá trị bảo lãnh tối đa là 1.500.000.000 đồng, tuy nhiên trên thực tế Công ty T không cung cấp cho Công ty CP Vi chứng thư bảo lãnh này.

Đối với hợp đồng thứ hai: Hợp đồng 1738/HĐMB/2018 ký ngày 25/12/2017. Do trong quá trình thay đổi trụ sở, Công ty làm thất lạc bản Hợp đồng này. Tuy nhiên, giữa Công ty T và Công ty Vi có phát sinh quan hệ mua bán trên thực tế, điều này được thể hiện qua việc Công ty Vi đã xuất hóa đơn bán hàng cho Công ty T; phía Công ty T có chuyển khoản thanh toán tiền mua hàng và cung cấp cho Công ty cổ phần Vi chứng thư bảo lãnh thanh toán số 0502BG1700520 ngày 29/12/2017. Trong thư bảo lãnh có thể hiện việc bảo lãnh thanh toán cho Hợp đồng này và có quy định nội dung: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk cam kết trả cho bên thụ hưởng (Công ty cổ phần Vi) một khoản tiền tối đa là 1.500.000.000 đồng ngay sau khi nhận được yêu cầu đòi tiền bằng văn bản đầu tiên được ký hợp lệ bởi người đại diện hợp pháp của bên nhận bảo lãnh mà không cần bất kỳ sự giải thích, chứng minh nào khác. Ngày 26/12/2018, Công ty Vi đã có văn bản số 1912/DXV-TCKT về việc thông báo thực hiện thư bảo lãnh thanh toán số 0502BG1700520, theo đó Công ty cổ phần Vi đề nghị Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk thực hiện nội dung theo thư bảo lãnh này. Theo quy định của Ngân hàng, Công ty cổ phần Vi phải cung cấp bản gốc chứng thư bảo lãnh số 0502BG1700520 để làm cơ sở cho yêu cầu thanh toán. Vì vậy, hiện tại Công ty cổ phần Vi chỉ có thể cung cấp cho quá trình giải quyết vụ án bản photo của chứng thư bảo lãnh.

Vì vậy, Công ty T còn nợ Công ty cổ phần Vi số tiền là 1.944.972.500 đồng.

Việc Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Vi. Vì vậy, Công ty cổ phần Vi kính đề nghị Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T thanh toán cho Công ty cổ phần Vi số tiền nợ còn lại là 1.944.972.500 đồng. Đối với khoản tiền lãi trên số nợ gốc quá hạn, Công ty CP Vi không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký, đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ đơn khởi kiện của Công ty CP Vi yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn T thanh toán số tiền 1.944.972.500 đồng tiền gốc là có căn cứ bởi lẽ: Căn cứ vào hợp đồng mua bán hàng hóa và biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2018 thì thể hiện vào các ngày 01/9/2016 và ngày 25/12/2017 Công ty Trách nhiệm hữu hạn T đã ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa là xi măng mang thương hiệu Vi với Công ty CP Vi, theo hợp đồng mua bán số 1480c/HĐMB ngày 01/9/2016 và Hợp đồng số 1738/HĐMB/2018 ngày 25/12/2017. Tổng cộng tính từ ngày 01/9/2016 đến ngày 31/3/2018 Công ty Vi đã bán cho Công ty T với tổng số tiền 24.832.263.909 đồng. Công ty T đã thanh toán cho Công ty Vi 22.887.291.409 đồng. Hiện Công ty T còn nợ Công ty Vi là 1.944.972.500 đồng. Do Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty Vi khởi kiện Công ty T là có căn cứ. Vì vậy đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP Vi buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty CP Vi số tiền 1.944.972.500 đồng. Về lãi suất Công ty CP Vi không yêu cầu tính lãi suất nên không đề cập giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty CP Vi khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (gọi tắt) Công ty T phải thanh toán số tiền nợ còn lại là 1.944.972.500 đồng theo các hợp đồng mua bán hàng hóa và theo biên bản đối chiếu công nợ phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các hợp đồng mua bán hàng hóa và biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/3/2018 thì thể hiện vào các ngày 01/9/2016 và ngày 25/12/2017 bên A (bên mua) là Công ty Trách nhiệm hữu hạn T đã ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể xi măng mang thương hiệu Vi với chủng loại, khối lượng, chất lượng và giá cả theo các điều khoản quy định trong hợp đồng với bên B (bên bán) là Công ty CP Vi, theo hợp đồng mua bán số 1480c/HĐMB ngày 01/9/2016 và Hợp đồng số 1738/HĐMB/2018 ngày 25/12/2017. Tổng cộng tính từ ngày 01/9/2016 đến ngày 31/3/2018 Công ty Vi đã bán cho Công ty T xi măng với tổng số tiền 24.832.263.909 đồng Công ty T đã thanh toán cho Công ty Vi 22.887.291.409 đồng. Số tiền Công ty T còn nợ là 1.944.972.500 đồng. Do bị đơn Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do vậy nguyên đơn khởi kiện Công ty T là có căn cứ cần buộc bị đơn công ty Trách nhiệm hữu hạn T phải thanh toán cho Công ty CP Vi số tiền 1.944.972.500 đồng là phù hợp.

Về lãi suất: Công ty CP Vi không yêu cầu tính lãi suất.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30; Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 24; Điều 50; Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Áp dụng Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Vi.

Buộc Công ty TNHH T phải thanh toán số tiền còn nợ là 1.944.972.500 đồng (Một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm đồng) cho Công ty Cổ phần Vi.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: Nguyên đơn Công ty CP Vi không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.408.000 đồng do ông Đỗ Phúc T nộp theo biên lai số AA/2019/0012863 ngày 15/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu 70.349.000 đồng (Bảy mươi triệu, ba trăm bốn mươi chín ngàn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh